TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 148 /2019/QĐST – HNGĐ.	*Mỹ Hào, ngày 31 tháng 12 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:125 /2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – SN: 1984

Địa chỉ: Thôn D – xã C – thị xã M – tỉnh H

Bị đơn: Anh Khúc Hoài N - SN: 1984

Địa chỉ: Thôn D – xã C – thị xã M – tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Khúc Anh T – SN: 27/12/2009

Địa chỉ: Thôn D – xã C – thị xã M – tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T: Chị Nguyễn Thị D – SN: 1984

Địa chỉ: Thôn D – xã C – thị xã M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị D – SN: 1984

Anh Khúc Hoài N - SN: 1984

Đều địa chỉ: Thôn D – xã C – thị xã M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Khúc Hoài N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 01 con chung là Khúc Anh T – SN: 27/12/2009. Anh chị thỏa thuận giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên, chị D tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị D là người đại diện theo pháp luật cho cháu T.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Không có.

- Về án phí: Chị D tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0004114 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Trả lại chị D số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: ***Thẩm phán***
- Đương sự.
- VKSND thị xã M
- Chi cục T.H.A DS thị xã M
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Nam Thắng